

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi Lớp CD07CQ (Nhóm Thi 2) - Tổ 004 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07333197	TRƯƠNG THỊ TÌNH	TUOM	09/03/88		6	Sáu
38	07333198	HUỖNH ANH KIM	UYEN	25/11/89	✓		
39	07333200	TRƯƠNG LÊ TỔ	UYEN	08/09/88		4	Bốn
40	07333203	VƯƠNG NGUYỄN	VI	18/06/88	✓		
41	07333204	LÊ ANH	VIEN	14/04/88		2	Hai
42	07333208	TRINH MINH	VU	02/08/89	✓		
43	07333210	NGUYỄN THUY MỘNG	VY	06/10/88		3	Ba
44	07333211	BUI THỊ NGỌC	XUAN	11/10/89		8	Tám
45	07333212	NGUYỄN THỊ NGỌC	XUAN	21/06/87	✓		

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Số sinh viên dự thi: 38 Số bài: 38 Số tờ: 39

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

TS. Võ Thị Hồng

Cán bộ chấm thi 1

Nguyễn Huệ Hải

Cán bộ chấm thi 2 _____



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07NL (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi PV337

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07137015	HUỖNH THẾ BẢO	12/07/89		<i>huy</i>	3	<i>ba</i>
2	07137016	PHAN AN BÌNH	07/05/89		<i>anh</i>	2	<i>hai</i>
3	07137017	NGUYỄN NĂNG CAO	29/05/88		<i>cao</i>	3	<i>ba</i>
4	07137018	PHẠM TRUNG CHÁNH	24/05/89		<i>uy</i>	6	<i>sau</i>
5	07137019	PHẠM THỊ LAN CHI	01/10/89	✓			
6	07137001	NGUYỄN TRUNG DŨNG	20/11/88		<i>duy</i>	6	<i>sau</i>
7	07137020	THẦN ĐÌNH DUY	30/07/89		<i>duy</i>	6	<i>sau</i>
8	07137021	NGUYỄN KHẮC ĐÀN	13/02/87		<i>dan</i>	6	<i>sau</i>
9	07137022	TRẦN CÔNG ĐẠT	02/01/89		<i>dat</i>	5	<i>nam</i>
10	07137023	NGUYỄN TRẦN HẢI ĐĂNG	16/08/88		<i>hai</i>	6	<i>sau</i>
11	07137002	ĐẶNG VĂN ĐOÀN	27/10/87		<i>doan</i>	8	<i>nam</i>
12	07137026	NGUYỄN VĂN ĐƯỢC	18/07/89	✓	<i>duy</i>	3	<i>ba</i>
13	07137028	HUỖNH NGỌC HÒA	18/12/89		<i>huy</i>	8	<i>nam</i>
14	07137004	HÀ THANH HÙNG	/ /89		<i>huy</i>	6	<i>sau</i>
15	07137032	ĐOÀN TÂN HUY	01/09/89		<i>tan</i>	6	<i>sau</i>
16	07137029	TRẦN CAO HUY	26/10/88		<i>huy</i>	5	<i>nam</i>
17	07137030	TRƯƠNG GIA HUY	09/09/88		<i>guy</i>	4	<i>bai</i>
18	07137031	TRƯƠNG QUANG HUY	27/10/89		<i>huy</i>	4	<i>bai</i>
19	07137033	VÕ MINH HƯNG	15/10/89		<i>huy</i>	7	<i>bai</i>
20	07137035	MAI VĂN KHANH	19/05/89		<i>mai</i>	4	<i>bai</i>
21	07137036	DƯƠNG ĐỨC LẠC	25/03/89	✓			
22	07137037	NGUYỄN TÙNG LÂM	09/09/89		<i>lam</i>	7	<i>bai</i>
23	07137038	TÔ CÔNG LINH	10/04/88		<i>linh</i>	5	<i>nam</i>
24	07137039	DƯƠNG VĂN MẠNH	18/09/86	✓			
25	07137005	HUỖNH NGỌC MỸ	22/03/89		<i>huy</i>	4	<i>bai</i>
26	07137041	LÊ THỊ CHI NA	20/03/89		<i>chi</i>	4	<i>bai</i>
27	07137006	TRẦN NGỌC PHƯỚC	05/04/89		<i>phuoc</i>	3	<i>ba</i>
28	07137008	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	19/04/87		<i>phuong</i>	6	<i>sau</i>
29	07137056	LÊ VĂN QUANG	20/03/89	✓			
30	07137044	THẠCH NGỌC SÁNG	10/08/87		<i>thach</i>	6	<i>sau</i>
31	07137009	NGUYỄN MINH TÂM	05/06/89		<i>tam</i>	5	<i>nam</i>
32	07137045	TRẦN THANH TÂM	04/02/89		<i>tam</i>	7	<i>bai</i>
33	07137046	TRẦN VĂN THANH	16/10/88		<i>thanh</i>	5	<i>nam</i>
34	07137048	PHẠM THỊ THẮNG	22/09/89	✓			
35	07137049	MAI BÀ THIÊN	04/12/89		<i>mai</i>	6	<i>sau</i>
36	07137010	NGUYỄN PHƯỚC THÔNG	/ /87	✓			

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi Lớp DH07NL (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07137050	NGUYỄN TRI	THỨC	16/02/89	✓		✓
38	07137011	NGUYỄN THANH	TOÀN	23/06/85	✓	4	4
39	07137013	PHẠM THÀNH	TRUNG	15/08/89	✓	3	3
40	07137051	NGUYỄN QUANG	TÚ	21/02/89	✓	3	3
41	07137053	NGUYỄN SƠN	TÙNG	08/01/89	✓	8	8
42	07137054	DƯƠNG QUANG	VINH	15/09/89	✓	7	7
43	07137014	LÊ ĐỨC	VŨ	14/12/89	✓	7	7
44	07137055	NGUYỄN NGỌC	XUÂN	12/05/89	✓	4	4

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 37 Số bài: 37 Số tờ: 44

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Nguyễn Thị Đào

Cán bộ coi thi 2 Nguyễn Thị Hà Thu

Xác nhận của bộ môn

TS. Võ Thị Hồng

Cán bộ chấm thi 1

Nguyễn Hợp Hải

Cán bộ chấm thi 2



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07PT (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi HD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07114072	MAI THỊ DUYỀN	09/03/88		<i>[Signature]</i>	5	<i>nam</i>
2	07121007	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	17/07/88		<i>[Signature]</i>	5	<i>nam</i>
3	07121008	PHAN THỊ HẰNG	19/05/88		<i>[Signature]</i>	4	<i>bôn</i>
4	07121001	ĐOÀN QUỐC KHÁNH	15/04/88		<i>[Signature]</i>	6	<i>sau</i>
5	07121005	KỖ THỊ LAN	19/03/87		<i>[Signature]</i>	7	<i>bay</i>
6	07121010	NGUYỄN VĂN LỢI	03/10/89		<i>[Signature]</i>	4	<i>bôn</i>
7	07121011	TRƯƠNG THỊ HUỲNH MAI	16/05/89				
8	07121002	HOÀNG THỊ KIM PHƯƠNG	17/08/89				
9	07121014	TẠ THỊ SÁU	16/06/88		<i>[Signature]</i>	4	<i>bôn</i>
10	07121003	TRẦN THỊ THẨM	23/10/88		<i>[Signature]</i>	7	<i>bay</i>
11	07121016	PHAN VĂN THẮNG	15/05/87		<i>[Signature]</i>	4	<i>bôn</i>
12	07121004	TRẦN QUỐC TOÀN	16/09/89		<i>[Signature]</i>	6	<i>rau</i>

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 10 Số bài: 10 Số tờ: 12

Ngày 10 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

[Signature]
Nguyễn Thị Thanh Thủy

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

[Signature]
TS. Võ Thị Hồng

Cán bộ chấm thi 1

[Signature]
Ngô Hợp Hải

Cán bộ chấm thi 2



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp CD07TH (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi PV315

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07329001	PHẠM DUY	ANH	01/04/87		5	nam
2	07329003	TRẦN NGỌC	BA	20/04/89		6	sau
3	07329009	VÕ THỊ HẢI	CHÂU	22/04/88		5	nam
4	07329011	TRẦN DUY	CÔNG	04/01/85		5	✓
5	07329012	ĐẶNG THIÊN	CƠ	23/06/88		5	nam
6	07329013	DƯƠNG NGỌC QUỐC	CƯỜNG	27/10/89		4	bên
7	07329016	NGUYỄN LÊ VŨ	CƯỜNG	24/04/87		5	nam
8	07329014	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	05/01/89		4	bên
9	07329015	PHAN QUỐC	CƯỜNG	10/10/87		6	✓
10	07329017	TRẦN QUỐC	DANH	24/10/89		5	nam
11	07329019	PHẠM THỊ THU	DINH	10/09/87		3	ba
12	07329020	LÂM THỊ PHƯƠNG	DUNG	01/09/88		3	ba
13	07329021	VŨ THỊ THỦY	DUNG	08/08/89		6	nam
14	07329023	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	12/12/86		3	✓
15	07329024	VŨ TIẾN	DŨNG	25/01/89		3	ba
16	07329006	TÔ BẢO	DUY	15/03/89		6	✓
17	07329027	NGUYỄN VINH	ĐÔNG	01/07/89		3	ba
18	07329030	TRẦN TIẾN	GIANG	05/10/88		3	ba
19	07329031	MAI THỊ HỒNG	HẠNH	08/08/89		4	bên
20	07329032	LÊ THỊ	HẢO	18/05/89		7	ba
21	07329033	NGUYỄN VINH	HẢO	11/12/89		8	✓
22	07329034	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNG	27/05/89		2	nam
23	07329035	NGUYỄN ĐỨC	HIỀN	01/03/89		2	hai
24	07329037	ĐỖ XUÂN	HIỆP	24/01/89		3	✓
25	07329038	LÊ MINH	HIẾU	05/10/88		3	ba
26	07329039	BÙI THỊ NHƯ	HOA	03/06/89		7	ba
27	07329041	NGUYỄN HỮU	HÒA	06/10/89		7	✓
28	07329044	CAO VĂN	HOÀNG	17/02/88		3	ba
29	07329045	LÊ VĂN	HOẠT	23/03/87		3	ba

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 22 Số bài: 22 Sờ tờ: 23

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Phạm Thị Hồng

Cán bộ coi thi 2 Phạm Thị Hồng

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Thị Hồng

Ng. Hồng Hải



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07HH (Nhóm Thi 1) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi RD404

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07139121	PHẠM HỒNG LUÂN	01/07/89		<i>Phạm Hồng Luân</i>	6	sáu
2	07139123	LÊ THĂNG LUYỆN	13/10/89		<i>Lê Thăng Luyện</i>	2	hai
3	07139126	HỒ THỊ GIANG LY	25/01/89		<i>Hồ Thị Giang Ly</i>	6	sáu
4	07139127	PHÙNG THỊ LÝ	20/09/88		<i>Phùng Thị Lý</i>	9	chín
5	07139133	NGUYỄN HỮU MỪNG	16/02/88		<i>Nguyễn Hữu Mừng</i>	6	sáu
6	07139142	HUỖNH THỊ KIM NGỌC	13/07/88		<i>Huỳnh Thị Kim Ngọc</i>	6	sáu
7	07139150	HỒ XUÂN NHẬT	04/02/89				
8	07139153	NGUYỄN THỊ NHUNG	13/08/87		<i>Nguyễn Thị Nhung</i>	6	sáu
9	07139155	PHẠM THỊ XUÂN NƯƠNG	06/10/89		<i>Phạm Thị Xuân Nương</i>	6	sáu
10	07139158	BÙI ĐỨC PHÚ	13/09/89		<i>Bùi Đức Phú</i>	7	bảy
11	07139160	NGÔ THANH PHÚC	13/07/88		<i>Ngô Thanh Phúc</i>	3	ba
12	07139169	LÊ VĂN CHÁNH QUY	08/02/88		<i>Lê Văn Chánh Quy</i>	8	tám
13	07139176	TRẦN THANH SANG	25/09/89		<i>Trần Thanh Sang</i>	6	sáu
14	07139186	LÊ THỊ THANH TÂM	20/04/89		<i>Lê Thị Thanh Tâm</i>	7	bảy
15	07139187	NGUYỄN DƯƠNG THANH TÂM	18/09/89		<i>Nguyễn Dương Thanh Tâm</i>	6	sáu
16	07139195	CHÂU THỊ PHƯƠNG THẢO	06/03/89		<i>Châu Thị Phương Thảo</i>	2	hai
17	07139194	VÕ NGUYỄN THẢO	22/08/89				
18	07139209	NGUYỄN THỊ KIM THOA	01/02/89		<i>Nguyễn Thị Kim Thoa</i>	3	ba
19	07139212	LÊ MINH THUẬN	19/12/88		<i>Lê Minh Thuận</i>	7	bảy
20	07139217	TỔNG THỊ THU THỦY	09/08/89		<i>Tổng Thị Thu Thủy</i>	8	tám
21	07139216	TRẦN THỊ THỦY	02/12/89		<i>Trần Thị Thủy</i>	1	một
22	07139219	VÕ VĂN THỬA	03/01/89		<i>Võ Văn Thửa</i>	7	bảy
23	07139220	NGUYỄN TOÀN THỨC	20/12/89		<i>Nguyễn Toàn Thức</i>	7	bảy
24	07139223	NGUYỄN CÔNG TIẾN	06/10/89		<i>Nguyễn Công Tiến</i>	3	ba
25	07139232	NGUYỄN THỊ THANH TRẢ	08/02/89		<i>Nguyễn Thị Thanh Trả</i>	4	bốn
26	07139233	HỒ NGỌC MỸ TRANG	21/12/88		<i>Hồ Ngọc Mỹ Trang</i>	3	ba
27	07139234	LÊ THỊ MỸ TRANG	25/07/89		<i>Lê Thị Mỹ Trang</i>	3	ba
28	07139274	NGUYỄN THỊ VIỆT	27/08/89		<i>Nguyễn Thị Việt</i>	2	hai
29	07139286	HOÀNG HẢI YẾN	04/02/88		<i>Hoàng Hải Yến</i>	4	bốn

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 27 Số bài: 27 Số tờ: 31

Ngày 10 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Đinh Ngọc Dung

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Ngọc

Xác nhận của bộ môn

TS. Võ Thị Hồng

Cán bộ chấm thi 1

Nguyễn Hồng Hải

Cán bộ chấm thi 2



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07GI (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi RD402

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07162029	NGUYỄN QUỲNH	ANH	13/10/89		3	ba
2	07162015	PHAN DANH	ĐỨC	01/07/88		6	sáu
3	07162016	PHAN THỊ ANH	HỒNG	02/04/89		3	ba
4	07162017	VÕ	HUY	12/10/89		3	ba
5	07162001	MAI THỊ	HUYỀN	19/06/89		8	tám
6	07162002	LÊ QUỐC	KHAI	16/02/89		4	bốn
7	07162003	HUYỀN TẤN	KHOA	13/09/88		✓	✓
8	07162018	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	30/08/88		3	ba
9	07162004	NGUYỄN DUY	LIÊM	10/10/89		9	chín
10	07162005	ĐẶNG THỊ NGỌC	LÝ	02/01/88		6	sáu
11	07162007	PHẠM THỊ THU	NGÂN	12/11/89		6	sáu
12	07162008	NGÔ ĐÌNH	NHÂN	19/11/88		4	bốn
13	07162020	LÊ PHẠM TRUNG	NHON	01/01/89		✓	✓
14	07162009	MAI THẾ	TÂN	19/07/86		5	năm
15	07162023	ĐOÀN MINH	THÀNH	22/06/89		9	chín
16	07162011	HUYỀN CHÂU TIẾN	THỊNH	28/07/88		1	một
17	07162024	VÕ THỊ PHƯƠNG	THỦY	10/06/89		7	bảy
18	07162025	TRẦN THỊ	THƯƠNG	22/10/89		✓	✓
19	07162028	LÊ HOÀNG	TÚ	27/09/88		9	chín
20	07162012	HỒ SỸ ANH	TUẤN	04/09/85		4	bốn
21	07162013	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	/06/89		8	tám
22	07162014	NGUYỄN THANH	TUẤN	29/07/89		4	bốn

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 49 Số bài: 49 Số tờ: 24

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

TS. Võ Thị Hồng

Cán bộ chấm thi 1

Nguyễn Hồng Hải

Cán bộ chấm thi 2



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07CD (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi PV333

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07153001	TRẦN BÌNH	14/10/89			6	Sau
2	07153002	ĐẶNG MINH CHỨC	01/01/89			8	Tam
3	07153003	NGUYỄN QUỐC THÀNH	10/02/89			3	Ba
4	07153004	NGUYỄN CÁN	27/09/88			4	Bai
5	07153050	HỒ CHÍ CƯỜNG	05/06/87			7	Bay
6	07153005	TRƯƠNG VĂN CƯỜNG	10/11/88			6	Sau
7	07153006	NGUYỄN HỮU DOANH	19/03/89			7	Bay
8	07153008	CAO VĂN TUẤN	10/12/89			7	Bay
9	07153007	LÊ ANH	21/05/89			✓	✓
10	07153052	TRẦN QUANG DƯỢC	13/09/87			8	Tam
11	07153009	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	16/05/89			6	Sau
12	07153010	NGUYỄN TIẾN ĐÀI	16/10/89			6	Sau
13	07153053	NGUYỄN VĂN ĐẠT	01/03/89			3	Ba
14	07153011	HÀ TẤN ĐẮC	13/10/89			7	Bay
15	07153012	ĐỖ NGUYỄN ĐÌNH	11/03/88			7	Bay
16	07153013	PHẠM TRƯỞNG GIANG	10/06/89			3	Ba
17	07153054	TRẦN HẢI HÀ	08/07/89			6	Sau
18	07153014	HOÀNG THẠCH HAI	03/06/89			3	Ba
19	07153055	BÙI CHÍ HẢI	23/10/87			2	Hai
20	07153016	NGUYỄN TRUNG HIẾU	17/02/89			3	Ba
21	07153056	PHẠM DỨC HIẾU	01/08/89			2	Hai
22	07153057	CÀNH CHÍ HOÀNG	05/08/89			3	Ba
23	07153017	PHAN THIẾN HOÀNG	15/03/89			3	Ba
24	07153058	TRẦN VŨ HOÀNG	09/01/88			1	Một
25	07153018	LÊ TRƯƠNG NAM HÙNG	15/06/89			6	Sau
26	07153019	NGUYỄN VĂN HÙNG	19/02/87			3	Ba
27	07153020	NGUYỄN BẢO HUY	30/10/89			1	Một
28	07153021	TRẦN QUANG KHÀI	05/03/88			3	Ba
29	07153022	NGUYỄN QUỐC KỶ	11/12/89			1	Một
30	07153061	PHẠM HOÀNG LÂM	04/05/89			6	Sau
31	07153062	PHẠM QUANG LĨNH	26/03/88			3	Ba
32	07153023	PHẠM VĂN LONG	04/05/87			7	Bay
33	07153024	DƯƠNG NGỌC THÁNH Q MINH	01/11/89			8	Tam
34	07153063	PHẠM NGỌC MINH	19/09/89			6	Sau

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 33 Số bài: 33 Sở từ: 35

Ngày: 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Đình

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Văn

Xác nhận của bộ môn

TS. Võ Thị Hồng

Cán bộ chấm thi 1

Nguyễn Hải

Cán bộ chấm thi 2



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07DT (Nhóm Thi 1) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi HD305

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	SỐ TỜ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07130077	TRẦN HOÀI	NAM	27/09/88	1	<i>Trần Hoài</i>	2	hai
2	07130082	NGUYỄN TÚ	NGHĨA	28/09/86	2	<i>Nguyễn Tú</i>	6	sáu
3	07130083	PHẠM VĂN	NGOAN	08/02/88	1	<i>Phạm Văn</i>	8	tám
4	07130084	PHẠM HUỲNH HOÀNG	NGUYỄN	06/11/89		<i>Phạm Huỳnh Hoàng</i>		
5	07130085	NGUYỄN THÀNH	NGUNG	08/08/88	2	<i>Nguyễn Thành</i>	7	bảy
6	07130086	LÊ THÀNH	NHÂN	15/09/89	1	<i>Lê Thành</i>	4	bốn
7	07130152	K' BOU ĐA LỊCH	NHI	13/10/88	1	<i>K' Bou Đa Lịch</i>	8	tám
8	07130087	NGUYỄN HỒ YẾN	NHI	22/10/89	1	<i>Nguyễn Hồ Yến</i>	7	bảy
9	07130089	TẠ TẤN	PHÁP	24/02/89	2	<i>Tạ Tấn</i>	4	bốn
10	07130090	TRẦN KHẮC	PHI	22/09/89	1	<i>Trần Khắc</i>	2	hai
11	07115031	NGUYỄN ĐỨC	PHÚ	20/04/89	2	<i>Nguyễn Đức</i>	3	ba
12	07130091	TRẦN	PHÚ	10/02/89	2	<i>Trần</i>	7	bảy
13	07130093	ĐÌNH VINH	PHÚC	03/08/89	1	<i>Đình Vinh</i>	4	bốn
14	07130092	NGUYỄN THIÊN	PHÚC	22/08/87	1	<i>Nguyễn Thiên</i>	4	bốn
15	07130094	NGUYỄN TẤN	PHƯỚC	14/07/89	1	<i>Nguyễn Tấn</i>	3	ba
16	07130096	LÊ THỊ	PHƯƠNG	20/03/89	1	<i>Lê Thị</i>	6	sáu
17	07130097	LÊ TRẦN	PHƯƠNG	11/11/89		<i>Lê Trần</i>		
18	07130095	NGUYỄN THỊ DIỆU	PHƯƠNG	25/05/88	1	<i>Nguyễn Thị Diệu</i>	8	tám
19	07130098	TRẦN VĂN	PHƯƠNG	/ /89	1	<i>Trần Văn</i>	8	tám
20	06130066	PHẠM LÊ	PHƯỜNG	15/04/84	2	<i>Phạm Lê</i>	9	chín
21	07130099	NGÔ	QUANG	15/10/89	1	<i>Ngô Quang</i>	3	ba
22	07130100	NGUYỄN MINH	QUÂN	07/12/88	1	<i>Nguyễn Minh</i>	4	bốn
23	07130101	TRỊNH VĂN	QUI	04/01/87	1	<i>Trịnh Văn</i>	3	ba
24	07130102	CAO VĂN	QUÝ	10/12/89	02	<i>Cao Văn</i>	7	bảy
25	07130103	PHAN THỊ NGỌC	QUYÊN	09/08/88	1	<i>Phan Thị Ngọc</i>	6	sáu
26	07130104	PHẠM NHƯ	QUYẾT	30/11/88	1	<i>Phạm Như</i>	3	ba
27	07130105	NGUYỄN HỮU	SÁNG	22/02/89	1	<i>Nguyễn Hữu</i>	5	năm
28	07130106	TRẦN VĂN	SẮC	10/12/88	1	<i>Trần Văn</i>	5	năm
29	07130107	HUỲNH NHẤT	SINH	20/02/89	2	<i>Huỳnh Nhất</i>	3	ba
30	07130153	THẠCH	SONG	08/10/87	1	<i>Thạch</i>	5	năm
31	07130108	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	04/12/89	1	<i>Nguyễn Hoàng</i>	6	sáu
32	07130109	NGUYỄN VŨ THANH	SƠN	29/03/89	1	<i>Nguyễn Vũ Thanh</i>	3	ba

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 30 Số bài: 90 Sở từ: 38

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Phang

Cán bộ coi thi 2 Nguyễn Thanh Bình

Xác nhận của bộ môn R

Cán bộ chấm thi 1 Ngô Hợp Hải

Cán bộ chấm thi 2 _____

TS. Võ Thị Hồng



Đại học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07DT (Nhóm Thi 1) - Tổ 003 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi RD305

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07130111	LÊ TẤN	TÀI	09/11/86		9	chín
2	07130110	TRỊNH NHỰT	TÀI	24/07/89		7	bảy
3	07130112	TRỊNH ĐỨC	TÂM	30/04/89		9	chín
4	07130113	NGUYỄN VŨ HOÀNG	TÂN	30/07/89		5	năm
5	07130114	PHẠM MINH	THÀNH	18/11/89		2	hai
6	07130115	LÊ MINH	THẢO	04/02/85		0	không
7	07130116	NGUYỄN TRỌNG	THẢO	19/07/89		—	
8	07130117	CHÂU THANH	THẮNG	20/10/88		7	bảy
9	07130118	PHẠM VĂN	THẮNG	12/08/89		8	tám
10	07130120	ĐỖ PHƯỚC	THỊNH	18/09/89		2	hai
11	06130382	HUYỀN MINH	THUẬN	10/04/88		2	hai
12	07130121	NGUYỄN ĐỨC	THUẬN	03/06/89		2	hai
13	07130122	NGUYỄN THỊ BÍCH	THÚY	28/06/89		5	năm
14	07130123	DƯƠNG THỊ HỒNG	THÚY	23/12/89		8	tám
15	07130125	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	20/01/89		9	chín
16	07130126	NGUYỄN VĂN	TÍCH	26/02/87		7	bảy
17	07130127	NGUYỄN NGỌC	TIẾN	26/05/89		3	ba
18	07130128	NGUYỄN NHẬT	TIẾN	03/08/87		3	ba
19	07130129	TÔ THỊ THỦY	TRANG	19/09/89		4	bốn
20	07130131	TRẦN MINH	TRÍ	06/01/89		0	không
21	07130132	THẦN MINH	TRIẾT	06/11/88		7	bảy
22	07130133	PHẠM MINH	TRIỆU	06/07/89		7	bảy
23	07130134	NGUYỄN LÊ KHÁNH	TRÌNH	11/12/88		2	hai
24	07130135	NGUYỄN VĂN	TRÌNH	10/06/89		2	hai
25	07130136	ĐOÀN BẢO	TRUNG	01/12/89		7	bảy
26	07130137	NGUYỄN HUỖNH NAM	TRUNG	02/05/89		6	sáu
27	07130138	NGUYỄN VĂN	TÚ	15/10/87		4	bốn
28	07130140	NGUYỄN MINH	TUẤN	04/06/89		4	bốn
29	07118029	TRẦN	TUẤN	13/10/88		2	hai
30	07130142	LÊ NHẬT	TÙNG	11/07/89		1	một
31	07130141	NGUYỄN DƯƠNG	TÙNG	01/10/89		1	một
32	07130143	LÊ NGỌC	TUYỄN	05/08/88		2	hai
33	07130144	HỒ THỊ MỸ	UYÊN	15/12/88		9	chín
34	07130145	NGUYỄN TUẤN	VINH	02/12/88		7	bảy
35	07130147	NGUYỄN THUY	VY	30/05/89		9	chín
36	07130149	PHẠM NGỌC	YẾN	17/07/89		8	tám

an bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 35 Số bài: 35 Sở từ: 42

Ngày tháng năm 200__

Cán bộ coi thi 1

Dương Mỹ Dung

Cán bộ coi thi 2

Trần Văn Sinh

Xác nhận của bộ môn

[Signature]

Cán bộ chấm thi 1

[Signature]

Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Thị Hồng

Nguyễn Hải